

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 tháng 8 năm 2021
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn A có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26-3-1991 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông A lười nhác, không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng đến vợ con, thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ, bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6-2018 đến nay, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn A có 03 con chung là cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 30-3-1992, cháu Nguyễn Thảo L1, sinh ngày 24-4-1994 và cháu Nguyễn Thảo L2, sinh ngày 04-01-2005. Đối với cháu L và cháu L1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L2, bà H trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay nên bà H yêu cầu giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay bà H đã nghỉ hưu, có thu nhập ổn định nên không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Nguyễn Văn A đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông A cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông A.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Chứng minh nhân dân Phạm Thị H và Nguyễn Văn A; Trích lục kết hôn; Sổ hộ khẩu Nguyễn Văn A; Giấy khai sinh Nguyễn Thảo L1, Nguyễn Thảo L, Nguyễn Thảo L2; Bản cam kết ngày 16-3-2017 của ông Nguyễn Văn A; Bản tự khai, đơn xin xử lý hôn vắng mặt của bà Phạm Thị H; Đơn trình bày nguyện vọng ngày 02-12-2020 của cháu Nguyễn Thảo Ly; Biên bản xác minh ngày 06-5-2021 của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn A có đăng ký kết hôn vào ngày 26-3-1991 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Bà H và ông A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông A lười nhác, không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6-2018 đến nay không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn A có 03 con chung là cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 30-3-1992, cháu Nguyễn Thảo L1, sinh ngày 24-4-1994 và cháu Nguyễn Thảo L2, sinh ngày 04-01-2005. Đối với cháu L và cháu L1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu L2, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Bà H yêu cầu giao cháu Ly cho bà H tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, ông A không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà H; Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Phạm Thị H là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn A.

2. Về con chung:

Giao con chung của bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn A là cháu Nguyễn Thảo L2, sinh ngày 04-01-2005 cho bà Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011758 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Bà Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Y;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính